Chi tiết mã HS 1515.90.11

Mã HS	1515.90.11
Mô tả hàng hóa	Chất béo và dầu không bay hơi khác của thực vật hoặc vi sinh vật (kể cả dầu jojoba) và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Loại khác: / - - Dầu hạt illipe: / - - - Dầu thô (SEN)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 21:35:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/15159011/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2005
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2005
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2005
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2006
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1979
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1979
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1979
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1979
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1979
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1979
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2009
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2009

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2009
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2009
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2009
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2009
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2011
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2011
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2011
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2011
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2011
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2011
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2013
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1981
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1981
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1981
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1981
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1981
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1981
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1981
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1979
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1979
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1979
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1979
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1979
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1979
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2020
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2020

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2020
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2020
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2020
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2020
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2019
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2019
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2019
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2019
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2019
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2019
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2025
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2025
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2025
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2025
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2025
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2025
EVFTA	2022	2022	3,6	EV-NK!D1984
EVFTA	2023	2023	3,1	EV-NK!E1984
EVFTA	2024	2024	2,7	EV-NK!F1984
EVFTA	2025	2025	2,2	EV-NK!G1984
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H1984
EVFTA	2027	2027	1,3	EV-NK!I1984
UKVFTA	2022	2022	3,6	UKV!D1986
UKVFTA	2023	2023	3,1	UKV!E1986
UKVFTA	2024	2024	2,7	UKV!F1986
UKVFTA	2025	2025	2,2	UKV!G1986

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H1986
UKVFTA	2027	2027	1,3	UKV!I1986
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	1,6	CPTPP!D1986
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0,8	CPTPP!E1986
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1986
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1986
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1986
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1986
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1986
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2011
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2011
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2011
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2011
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2011
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2011
RCEP B	2022	2022	0	B!D2011
RCEP B	2023	2023	0	B!E2011
RCEP B	2024	2024	0	B!F2011
RCEP B	2025	2025	0	B!G2011
RCEP B	2026	2026	0	B!H2011
RCEP B	2027	2027	0	B!I2011
RCEP C	2022	2022	0	C!D2011
RCEP C	2023	2023	0	C!E2011
RCEP C	2024	2024	0	C!F2011
RCEP C	2025	2025	0	C!G2011
RCEP C	2026	2026	0	C!H2011

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2011
RCEP D	2022	2022	0	D!D2011
RCEP D	2023	2023	0	D!E2011
RCEP D	2024	2024	0	D!F2011
RCEP D	2025	2025	0	D!G2011
RCEP D	2026	2026	0	D!H2011
RCEP D	2027	2027	0	D!I2011
RCEP E	2022	2022	0	E!D2014
RCEP E	2023	2023	0	E!E2014
RCEP E	2024	2024	0	E!F2014
RCEP E	2025	2025	0	E!G2014
RCEP E	2026	2026	0	E!H2014
RCEP E	2027	2027	0	E!I2014
RCEP F	2022	2022	0	F!D2011
RCEP F	2023	2023	0	F!E2011
RCEP F	2024	2024	0	F!F2011
RCEP F	2025	2025	0	F!G2011
RCEP F	2026	2026	0	F!H2011
RCEP F	2027	2027	0	F!I2011
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F1870
VIFTA	2025	2025	4	VI!G1870
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H1870
VIFTA	2027	2027	3	VI!I1870

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1515.90 có 12 dòng thuế; dòng 1515.90.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dầu thô (SEN).	1515.90.12 Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế (SEN); 1515.90.19 Loại khác (SEN); 1515.90.21 Dầu thô; 1515.90.22 Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế; 1515.90.29 Loại khác; 1515.90.31 Dầu thô	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1515.90.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1515.90.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2005), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.